

Số: /TB-SKHCN

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4 và đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định;

Nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm bệnh Covid- 19 trong tình hình dịch đang diễn biến phức tạp, hạn chế việc cá nhân, tổ chức tiếp xúc, tập trung đông người tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ như sau:

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 và đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, bằng cách truy cập Cổng dịch vụ công tỉnh Bình Định theo địa chỉ <http://dichvucong.binhdinhh.gov.vn> và làm theo hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến để đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ ưu sẽ tiên giải quyết trước hạn đối với những hồ sơ thủ tục hành chính (có danh sách kèm theo) nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công tỉnh Bình Định và đăng ký trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Khi đăng ký giải quyết TTHC qua Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức, cá nhân sẽ nhận được tin nhắn tự động, thông báo kết quả giải quyết qua số điện thoại di động và thư điện tử đã đăng ký khi nộp hồ sơ trực tuyến.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ bà Đỗ Thị Xuyên, Chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Quầy số 04 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn (Điện thoại: 0932.415.012) để được giải thích, hướng dẫn chi tiết.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, công dân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp);
- Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo Bình Định, Đài PTTH Bình Định;
- Bưu điện tỉnh (phối hợp);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (t/h);
- Đăng Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Công Nhường

Phụ lục
Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của Sở Khoa học và Công nghệ

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ DỊCH VỤ CÔNG	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân			
1	2.002379.000.00.00.H08	2.002379.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	
2	2.002380.000.00.00.H08	2.002380.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
3	2.002381.000.00.00.H08	2.002381.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
4	2.002382.000.00.00.H08	2.002382.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
5	2.002384.000.00.00.H08	2.002384.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
6	2.002385.000.00.00.H08	2.002385.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
II	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ			
7	1.001786.000.00.00.H08	1.001786.000.00.06.H08-04.01-T	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ DỊCH VỤ CÔNG	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	GHI CHÚ
8	1.001770.000.00.00.H08	1.001770.000.00.06.H08-04.01-T	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
9	1.001747.000.00.00.H08	1.001747.000.00.06.H08-04.01-T	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
10	2.002278.000.00.00.H08	2.002278.000.00.06.H08-04.00-T	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
11	1.004473.000.00.00.H08	1.004473.000.00.06.H08-04.00-T	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
12	2.002248.000.00.00.H08	2.002248.000.00.06.H08-04.01-T	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
13	2.002249.000.00.00.H08	2.002249.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ DỊCH VỤ CÔNG	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	GHI CHÚ
14	2.001525.000.00.00.H08	2.001525.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
15	2.001248.000.00.00.H08	2.001248.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	
16	1.001677.000.00.00.H08	1.001677.000.00.06.H08-04.01-T	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
17	1.001693.000.00.00.H08	1.001693.000.00.06.H08-04.01-T	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
18	1.001716.000.00.00.H08	1.001716.000.00.06.H08-04.01-T	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
19	1.004467.000.00.00.H08	1.004467.000.00.06.H08-04.00-T	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
III	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng			
20	2.002232.000.00.00.H08	2.002232.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5)	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ DỊCH VỤ CÔNG	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	GHI CHÚ
			và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	
21	2.002231.000.00.00.H08	2.002231.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	
22	1.001392.000.00.00.H08	1.001392.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	
23	2.001207.000.00.00.H08	2.001207.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	
24	2.001277.000.00.00.H08	2.001277.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	
25	2.001268.000.00.00.H08	2.001268.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ SỐ DỊCH VỤ CÔNG	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	GHI CHÚ
			nghệ ban hành	
26	2.001239.000.00.00.H08	2.001239.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	
27	2.001209.000.00.00.H08	2.001209.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	
28	1.000373.000.00.00.H08	1.000373.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	
29	2.000212.000.00.00.H08	2.000212.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	
IV	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			
30	1.003542.000.00.00.H08	1.003542.000.00.06.H08-04.01-T	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	
31	2.001483.000.00.00.H08	2.001483.000.00.06.H08-04.00-T	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	
	TỔNG CỘNG: 31 TTHC			